

Bản án số: 109/2024/HS-PT

Ngày 24-9-2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai Hoa và Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo – Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong những ngày từ 23 tháng 9 năm 2024 đến ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 114/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo Nguyễn Trọng S và bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2024/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Trọng S**, sinh ngày 10/4/2006 tại: Thị xã K, tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: KDC H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Trọng X và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại.

2. **Hoàng Văn H**, sinh ngày 18/10/2006 tại: K, tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; con bà Hoàng Thị A; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại

3. **Vũ Đức Đại T1**, sinh ngày 26/6/2006 tại: Thị xã K, tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Vũ Đức H1 và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại

4. **Lưu Ngọc T2**, sinh ngày 12/4/2006 tại: Thị xã K, tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Q, thị xã K, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Lưu Hữu T3 và bà Phạm Thị N1; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại

5. **Đồng Quảng Q**, sinh ngày 24/01/2006 tại: Tỉnh Lâm Đồng; tên gọi khác: Không; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Đồng Quảng N2 và bà Đồng Thị H2; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại

6. **Phạm Minh T4**, sinh ngày 27/7/2006 tại: K, tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi ĐKHKTT: Xóm I, thôn V, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Phạm Văn T5 và bà Nguyễn Thị H3; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại

7. **Trương Huy H4**, sinh ngày 29/01/2006 tại: Thị xã K, tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi ĐKHKTT: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trương Đức M và bà Nguyễn Thị T6; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại

8. **Huỳnh Thanh S1**, sinh ngày 24/3/2006 tại: Thị xã K, tỉnh Hải Dương; tên gọi khác: Không; nơi ĐKHKTT: KDC A, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Huỳnh Thanh L và bà Lương Thị N3; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 13/02/2021, Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt cảnh cáo) đối với Huỳnh Thanh S1 về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản; bị cáo tại ngoại

Các bị cáo Lưu Ngọc T2, Đồng Quảng Q, Trương Huy H4, Huỳnh Thanh S1, Hoàng Văn H có mặt tại phiên tòa **nhưng vắng mặt khi tuyên án**; các bị cáo Nguyễn Trọng S, Vũ Đức Đại T1, Phạm Minh T4 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Ngoài ra còn có 18 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Hoàng Văn H:

Bà bà Hoàng Thị A, sinh năm 1953. Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương (là mẹ của bị cáo Hoàng Văn H).

Có mặt tại phiên tòa (**vắng mặt khi tuyên án**)

- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn H: Bà Nguyễn Thị C – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh H;

Có mặt.

- **Đại diện hợp pháp T14, huyện K, tỉnh Hải Dương.** (Nơi bị cáo H đã theo học): Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/12/2022, chị Phạm Thị Thanh V, sinh ngày 01/10/2006, trú tại: Thôn H, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương có chia sẻ một bài viết lên mạng xã hội Facebook cá nhân của V thì Nguyễn Trọng S, sinh ngày 10/4/2006, trú tại KDC H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương (là bạn của V) có vào bài chia sẻ của V rồi thả icon hình mặt cười. Trần Văn C1, sinh ngày 21/12/2006, trú tại: X, Q, K, Hải Dương (là bạn trai của V) đã chụp hình ảnh bài chia sẻ của V có hình mặt cười do S thả, rồi C1 gửi cho V qua tin nhắn M1 và nói “cái gì đây”, thì V trả lời giữa V và S chỉ là bạn bè. Sau đó, C1 có nhắn tin cho S qua ứng dụng messenger hỏi S về việc thả icon hình mặt cười trên bài viết của V, rồi giữa C1 và S xích mích, nhắn tin thách thức nhau và hẹn gặp nhau tại xã H vào tối 11/12/2022 để đánh nhau.

Sau đó, C1 lập một nhóm chat trên ứng dụng messenger gồm C1, Lưu Ngọc T2, Nguyễn Quốc T7, Tiên Văn B, Lã Tuấn A1, Nguyễn Văn T8, Nguyễn Văn T9, Lê Minh T10, Nguyễn Huy H5, Vũ Đức Đại T1, Bùi Duy H6; sinh ngày 14/12/2006; trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã K. Sau đó C1 chụp lại tin nhắn giữa C1 và S về việc gạ hẹn đánh nhau giữa C1 và S rồi C1 gửi lên nhóm chat messenger nêu trên và rủ mọi người đi đánh nhau cùng C1 thì tất cả đều đồng ý, C1 hẹn nhóm Cường tập trung tại cổng Ghì thuộc thôn L, thị xã K. Đến 19 giờ ngày 11/12/2022, C1 điều khiển xe máy biển số 34D1- 47022 ra ngã tư Q thuộc xã Q, thị xã K gặp T7 điều khiển xe máy biển số 34D1 42965 chở H5 ngồi sau. Sau đó C1, T7, H5 đi ra khu vực cánh đồng thôn T, xã Q, thị xã K thì lần lượt có Tuấn A1 điều khiển xe máy biển số 34AC - 04308 chở B và T8, Nguyễn Văn T9 điều khiển xe máy biển số 34D1 - 50950 chở Vũ Đức Đại T1, T2 điều khiển xe Wave màu trắng không rõ biển số chở H6 đến. H6 đem theo một ba lô màu hồng và một ba lô màu nâu đen (bên trong hai ba lô đựng khoảng 10 vỏ chai bia Hà Nội bằng thủy tinh). H6 đưa cho T7 một ba lô còn H6 đeo một ba lô rồi tất cả đi lên đê cổng Ghì thuộc xã L, thị xã K tập trung. Trên đường đi xã L nhóm C1 gặp Nguyễn Đức A2, sinh ngày 28/11/2006 điều khiển xe máy biển số 34AC - 03673 chở Phạm Trường A3, sinh ngày 11/12/2006 cùng trú tại: Thôn K, xã L, thị xã K thì C1 rủ Đức A2 và Trường A3 đi cùng. Khi đến đê cổng G, C1 nhặt được một đoạn tuýp sắt dài hơn 01 mét, sau có T10 điều khiển xe máy biển số 34D1 - 47018 chở Phạm Hữu D đến. C1 nói với mọi người: “ở dưới kia có ruộng dóc kia, xuống rút đi” thì Tuấn A1 và H5 xuống dưới ruộng sát chân đê rút được 05 đoạn que dóc mỗi đoạn dài khoảng 1,5m đường kính khoảng 2cm (Tuấn A1 rút được 03 đoạn, H5 rút được 02 đoạn) đem lên để chỗ nhóm Cường tập trung. Lúc này C1 nói tiếp: “Ai đi lấy thêm vỏ chai bia đi” thì T8 điều khiển xe máy biển số 34D1- 47018 chở D, Tuấn A1 điều khiển xe máy biển số 34AC – 04308 chở T10 đi về hướng Ủy ban xã L lấy được 02 kết vỏ chai bia Hà Nội bằng thủy tinh ở ngoài cửa của quán T15 về

vị trí nhóm Cường tập trung. D và T10 để 02 két vỏ chai bia xuống đất thì một số người nhặt vỏ chai bia và các đoạn que dóc cắm theo làm hung khí đi đánh nhau. Sau đó C1 nói với mọi người “đi thôi” (ý C1 nói đi đánh nhau) thì T2 điều khiển xe máy biển số 34 D1 – 47022 chở C1 cầm 01 đoạn tuýp sắt và 02 vỏ chai bia; H6 đeo một ba lô đựng vỏ chai bia điều khiển xe máy Wave màu trắng của T2 chở H5 cầm 01 đoạn que dóc và 02 vỏ chai bia; T7 đeo một ba lô đựng vỏ chai bia điều khiển xe máy biển số 34D1 – 42965 chở B cầm 02 vỏ chai bia và 01 đoạn que dóc; T8 điều khiển xe máy biển số 34AC 04308 kẹp 02 vỏ chai bia vào đuôi và kẹp 01 vỏ chai bia vào võng xe chở Tuấn A1 cầm 01 đoạn que dóc và 03 vỏ chai bia; Nguyễn Văn T9 điều khiển xe máy biển số 34D1- 50590 chở Vũ Đức Đại T1 cầm 01 đoạn que dóc và 03 vỏ chai bia; T10 điều khiển xe máy biển số 34D1 -47018 chở D cầm 03 vỏ chai bia; Đức A2 chở Trường A3 không cầm gì đi theo đường trại cá xã L sang xã H, thị xã K. Khi đi ra đến đầu đường 389B thuộc xã H thì Trường A3 và Đức A2 bỏ về trước còn nhóm C1 tiếp tục đi theo đường 389B về hướng A - K.

Sau khi hẹn gặp đánh nhau với C1 thì S rủ Trương Huy H4, Nguyễn Trung Đ, Đặng Gia B1, sinh ngày 18/7/2007; trú tại: KDC Đ, phường A, thị xã K, Nguyễn Văn H7, Nguyễn Trung V1, Nguyễn Xuân P sinh ngày 08/12/2007; trú tại: KDC H, phường A, thị xã K, P, Phạm Hoàng H8 – sinh ngày 28/10/2006, Trần Văn P1 – sinh năm 2005, Nguyễn Văn H9 – sinh ngày 23/3/2006, Trần Minh T11 – sinh ngày 07/6/2006, đều trú tại: Phường H, thị xã K, Nguyễn Ngọc N4, Nguyễn Văn N5, Trần Xuân H10, Huỳnh Thanh S1 đi đánh nhau thì tất cả đồng ý. Đặng Gia B1 rủ Thân Thế P2, sinh ngày 08/11/2007; trú tại: Q, phường P, thị xã K và Hoàng Văn H. Hoàng Văn H rủ Phạm Quốc Đ1, Phạm Minh T4, Đồng Quảng Q, Nguyễn Tiến D1 đi đánh nhau thì mọi người đều đồng ý. H bảo Đ1 khi đi đem theo vỏ chai thủy tinh. Khoảng hơn 19 giờ ngày 11/12/2022, Nguyễn Văn H7 điều khiển xe máy biển số 34D1 - 52163 đến đón S1 và V1 chở ra khu đô thị C, phường A gặp B1 và Thân Thế P2. S1 bảo V1, B1, H7 và P2 cùng S1 đi ra cuối khu đô thị C các đoạn tuýp sắt ở các biển quảng cáo. S1 bẻ được 02 đoạn tuýp sắt mỗi đoạn dài khoảng 80cm. P2 bẻ được 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 80cm. V1 nhặt được 01 đoạn tuýp sắt dài khoảng 80cm ở dưới đất. Sau đó nhóm S1 tập trung tại đây thì lần lượt có Nguyễn Xuân P cầm theo 01 gậy rút để trong túi quần điều khiển xe máy biển số 34D1 – 44486 chở Phùng Huy H11 cầm theo 01 con dao tự chế đến, Phạm Minh T4 điều khiển xe máy biển số 34B2 – 01057 chở Hoàng Văn H và Đồng Quảng Q đến. Nguyễn Tiến D1 điều khiển xe máy biển số 34L1 – 03431 chở Phạm Quốc Đ1 đem theo 01 ba lô đựng 6 đến 7 vỏ chai thủy tinh Sting (Độ nhặt ở ga P - K- Hải Dương) đến. Độ đổ vỏ chai thủy tinh trong ba lô ra vỉa hè chỗ nhóm S1 tập trung thì Đ1, Q, H, B1 mỗi người nhặt 01 vỏ chai thủy tinh. Độ nhặt 01 vỏ chai thủy tinh đưa cho Nguyễn Văn H7. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày có Trần Minh T11 điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave màu đen không đeo biển số của T11 chở Trần Văn P1, Nguyễn Văn H9 điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave màu đen không nhớ biển số (xe Hà mượn của bạn là Trần Thế A4, sinh năm 2006; trú tại: KDC H, phường H, thị xã K) chở Phạm Hoàng H8. Nguyễn Ngọc N4 điều khiển xe máy Novo màu xám biển số 34D1 - 9299 chở

Nguyễn Văn N5. Trần Xuân H10 điều khiển xe máy nhãn hiệu Wave màu tím than không nhớ biển số chở Huỳnh Thanh S1 đến. Khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, Nguyễn Trung Đ điều khiển xe máy biển số 34D1- 37658 cầm theo 01 phóng lợn có tay cầm bằng kim loại đường kính khoảng 3cm, dài khoảng 1,5m có gắn dao mũi nhọn và Trương Huy H4 đi nhờ xe của người không quen biết đến. Khi các đối tượng đến đủ thì S1 bảo mọi người đi lên H để đánh nhau với nhóm C1. Ngay sau đó, Đ điều khiển xe máy chở S1 cầm 01 đoạn tuýp sắt. Thế P1 cầm 01 đoạn tuýp sắt và 01 phóng lợn (phóng lợn Đ đem đến). Nguyễn Văn H7 điều khiển xe máy cầm 01 vỏ chai thủy tinh chở Trương Huy H4 và V1 cầm 01 đoạn tuýp sắt. Nguyễn Xuân P điều khiển xe máy chở Phùng Huy H11 cầm 01 con dao tự chế. Trần Minh T11 điều khiển xe máy chở Trần Văn P1. Nguyễn Văn H9 điều khiển xe máy chở Phạm Hoàng H8. Trần Xuân H10 điều khiển xe máy chở Huỳnh Thanh S1. Nguyễn Ngọc N4 điều khiển xe máy chở Nguyễn Văn N5. Nguyễn Tiến D1 điều khiển xe máy chở Phạm Quốc Đ1 cầm 01 vỏ chai thủy tinh. Phạm Minh T4 điều khiển xe máy chở Hoàng Văn H và Đồng Quảng Q mỗi người cầm 01 vỏ chai thủy tinh đi lên xã H theo đường C hướng A đi xã Q. Trên đường đi nhóm S1 gặp Nguyễn Duy A5, sinh ngày 20/01/2008; trú tại: KDC T, phường T, thị xã K điều khiển xe máy biển số 34D1 – 47288 chở Nguyễn Quang H12. H12 nhận ra Nguyễn Trọng S và Trần Văn P1. P1 nói cho H12 là đi giải quyết mâu thuẫn thì H12 hiểu đi đánh nhau nên H12 và Duy A5 cùng đi theo nhóm P1. Khi đi qua khu vực ngã tư T, thị xã K thì Duy A5 xuống rút 01 đoạn que dóc dài khoảng 2m đưa cho H12 cầm. Thanh S1 xuống rút 01 đoạn que dóc dài hơn 1m. Ngọc N4 xuống rút 02 đoạn que dóc mỗi đoạn dài khoảng 2m đưa cho Nguyễn Văn N5 cầm. Trần Văn P1 xuống rút 01 đoạn que dóc dài khoảng 2m cầm theo làm hung khí đi đánh nhau. Khi đi đến lối rẽ vào hồ câu thôn Đ, xã H thì nhóm S1 dừng lại tập trung tại đây. S1 gọi điện cho C1 qua ứng dụng messenger hỏi: “Mày đang ở đâu”. C1 chụp ảnh nhóm C1 đang đi gửi cho S1. Nhóm của S1 tiếp tục đi theo đường tỉnh lộ 389B hướng về Q khoảng 100 đến 200m thì dừng lại và tập trung ở rìa đường bên trái theo hướng nhóm S1 đi (hướng A - Q), đầu xe quay về hướng A chờ nhóm C1 đến để đánh nhau. 02 xe máy của Nguyễn Văn H9, Phạm Hoàng H8, Trần Minh T11, Trần Văn P1 đỗ cách nhóm của S1 khoảng 10 đến 15 mét về hướng Q.

Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, thấy nhóm C1 đi theo hướng Quang T12 xuống A còn cách nhóm S1 khoảng 100 đến 200 mét thì xe máy của Nguyễn Văn H9 chở Phạm Hoàng H8 và xe máy của Trần Minh T11 chở Trần Văn P1 bỏ chạy về trước không tham gia vào việc đuổi đánh nhau. Khi hai xe máy của H9 và T11 chạy qua nhóm S1 về phía A thì nhóm S1 nghĩ hai xe máy này cùng nhóm C1 nên có người trong nhóm S1 hô “Chúng nó kia đuổi theo” thì tất cả nhóm S1 lên xe cầm theo hung khí đuổi đánh hai xe máy này về hướng A. Đ điều khiển xe máy chở S1 và Thế P2 mỗi người cầm 01 tuýp sắt. Nguyễn Văn H7 điều khiển xe máy chở Trương Huy H4 cầm phóng lợn (do T13 Phong cầm đến để dưới đường) và V1 cầm 01 tuýp sắt, 01 vỏ chai thủy tinh do H7 đưa cho. Xuân P điều khiển xe máy chở Phùng Huy H11 cầm 01 dao tự chế. Trần Xuân H10 điều khiển xe máy chở Huỳnh Thanh S1 cầm 01 đoạn que dóc. Nguyễn Ngọc N4 điều khiển xe máy

chở Nguyễn Văn N5 cầm 02 đoạn que dóc. Nguyễn Tiến D1 điều khiển xe máy chở Phạm Quốc Đ1 và Đặng Gia B1 mỗi người cầm theo 01 vỏ chai thủy tinh. Phạm Minh T4 điều khiển xe máy chở Hoàng Văn H và Đồng Quảng Q mỗi người cầm 01 vỏ chai thủy tinh. Nguyễn Duy A5 điều khiển xe máy chở Nguyễn Quang H12 cầm 01 đoạn que dóc. Cùng lúc này nhóm C1 đi đến thì C1, Tuấn A1, T8, B, H5, D1, Vũ Đức Đại T1 đã dùng vỏ chai bia Hà Nội bằng thủy tinh ném về phía nhóm S1. Xe của T2, T11, T8, T10, H đuổi theo nhóm S1 được một đoạn thì quay lại còn xe của Nguyễn Văn T9 chở Vũ Đức Đại T1 chạy thẳng xuống phường A rồi đi về nhà. Một số xe trong nhóm của S1 gồm xe của Phạm Minh T4, Nguyễn Tiến D1, Nguyễn Ngọc N4, Nguyễn Duy A5, Trần Xuân H10 đuổi theo hai xe máy của Nguyễn Văn H9 và Trần Minh T11 về hướng A. Quá trình đuổi theo thì Đ1 ngồi sau ném vỏ chai thủy tinh về phía hai xe máy trên nhưng không trúng. Nhóm này không đuổi được hai xe máy trên thì bỏ về trước còn Nguyễn Trung Đ điều khiển xe máy chở Nguyễn Trọng S và Thân Thế P2 mỗi người cầm 01 tuýp sắt; Nguyễn Xuân P điều khiển xe máy chở Phùng Huy H11 cầm dao; Nguyễn Văn H7 điều khiển xe máy chở Nguyễn Trung V1 cầm 01 tuýp sắt, 01 vỏ chai thủy tinh và Trương Huy H4 cầm 01 phóng lộn đuổi theo hai xe máy trên được khoảng 400 đến 500 mét thì quay lại hướng Q. Trên đường quay lại, S bảo Phùng Huy H11 đưa dao cho S cầm. Xe của Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Văn H7 và Xuân P gặp nhóm C1 ở khu vực lối rẽ vào hồ câu trên đường C thì nhóm C1 gồm xe của T2, T11, T8, T10, H tiếp tục ném vỏ chai bia Hà Nội về phía xe của Đ, H7 và Xuân P thì Xuân P chở Phùng Huy H11 quay lại hướng A rồi đi về nhà. Lúc này V1 ném 01 vỏ chai thủy tinh về phía nhóm C1, Trương Huy H4 giờ phóng lộn về phía nhóm C1 chửi rồi H7 tiếp tục điều khiển xe máy chở V1 và Trương Huy H4 chạy về hướng Q. Xe của Duy A5 chở Nguyễn Quang H12 đuổi theo hai xe máy trên qua ngã tư T không đuổi kịp nên quay lại bị xe máy chở hai (không xác định được là ai) đi từ hướng Q xuống ném vỏ chai thủy tinh về phía xe của Duy A5 nhưng không trúng, rồi Duy A5 chở Nguyễn Quang H12 quay lại đuổi theo xe máy này về hướng A nhưng không đuổi kịp nên Duy A5 và H12 đi về khu đô thị T ngồi chơi. Nhóm C1 gồm xe của T2, T11, T8, T10, H tiếp tục đuổi theo xe máy Đ chở S và Thế P2 chạy về hướng Q. Vừa đuổi nhóm C1 vừa ném vỏ chai bia và yêu cầu xe của Đ dừng lại. Khi xe Đ đi đến gần cổng làng C, xã H, thị xã K thì S bảo Đ dừng xe lại đổ vào rìa đường bên trái theo hướng Đ đi. Cùng lúc này nhóm C1 đuổi kịp đến, H5 nhặt đá ở rìa đường ném vào xe của Đ. T11, Tuấn A1 và H5 dùng chân tay đánh vào mặt Thế P2. Sau đó T2 nhận ra S là bạn nên nhóm C1 dừng lại không đánh nhóm S nữa thì hai nhóm giải tán ra về.

Quá trình hai nhóm đuổi đánh nhau, đối tượng chưa xác định được là ai đã ném vỏ chai bia bằng thủy tinh vào đầu cháu Phạm Đức A6- sinh ngày 07/12/2021 (lúc đó cháu Đức A6 đang do chị Phạm Thị Phương A7 – sinh năm 2001 bế ngồi sau xe máy do anh Phạm Văn P3 - sinh năm 1998; trú tại: Thôn Đ, xã Q, thị xã K điều khiển theo hướng xã H đi Q) làm cháu Đức A6 bị thương phải đi điều trị tại Bệnh viện N6 từ ngày 12/12/2022 đến ngày 16/12/2022 thì ra viện.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 97/KLTTCT ngày 29/3/2023, Trung tâm pháp y – Sở Y kết luận: Cháu Phạm Đức

A6 bị chấn thương sọ não kín gây vỡ lún xương đỉnh trái, tụ máu dưới màng cứng vùng đỉnh trái xuất huyết nhu mô não trái, được điều trị nội khoa. Hiện ổn định, không có di chứng chức năng hệ thần kinh. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y1 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của cháu Phạm Đức A6 tại thời điểm giám định là 20%. Các tổn thương trên có đặc điểm do vật tày gây ra, cháu A6 bị người khác dùng vỏ chai bia thủy tinh ném, gây ra là phù hợp.

Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trọng S, Hoàng Văn H, Nguyễn Quốc T7, Tiên Văn B2, Lã Tuấn A1, Nguyễn Văn T8, Nguyễn Văn T9, Phạm Hữu D, Lê Minh T10, Nguyễn Huy H5, Vũ Đức Đại T1, Lưu Ngọc T2, Nguyễn Văn H7, Phạm Quốc Đ1, Nguyễn Ngọc N4, Nguyễn Trung V1, Nguyễn Văn N5, Đồng Quảng Q, Phùng H, Huỳnh Thanh S1, Nguyễn Tiến D1, Phạm Minh T4, Trương Huy H4, Trần Xuân H10, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Quang H12 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng S 02 (Hai) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc T2 01 (một) năm 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trương Huy H4 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T4 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đồng Quảng Q 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức Đại T1 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh S1 01 (một) năm 06 (S2) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Minh T10 19 (Mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (Ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lã Tuấn A1 19 (Mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (Ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung Đ 19 (Mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (Ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T8 19 (Mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (Ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc T7 19 (Mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (Ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc Đ1 19 (Mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (Ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H5 19 (Mười chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 38 (Ba mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phạm Hữu D 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Tiên Văn B 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T9 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phùng Huy H11 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H7 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N4 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H12 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Trần Xuân H10 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung V1 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N5 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo,

thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiên D1 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề khác.

Ngày 09/7/2024 Lưu Ngọc T2 kháng cáo; ngày 12/7/2024: Đồng Quảng Q, Phạm Minh T4, Hoàng Văn H kháng cáo; Ngày 15/7/2024: Huỳnh Thanh S1 kháng cáo; Ngày 17/7/2024: Nguyễn Trọng S kháng cáo; Ngày 22/7/2024: Vũ Đức Đại T1, Trương Huy H4 kháng cáo đều xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Hoàng Văn H, Trương Huy H4, Đồng Quảng Q1, Lưu Ngọc T2, Huỳnh Thanh S1 thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xác định, giữ nguyên nội dung, yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trên cơ sở phân tích các tình tiết của vụ án, nhận thấy mức án Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Không chấp nhận các nội dung kháng cáo, giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo tại bản án sơ thẩm.

Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, riêng bị cáo H được miễn vì thuộc hộ nghèo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau, với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn giữa Nguyễn Trọng S và Trần Văn C1; sinh ngày 21/12/2006; trú tại: Thôn X, xã Q, thị xã K nên S và C1 hẹn gặp để đánh nhau vào tối ngày 11/12/2022. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 11/12/2022, tại đường C thuộc Đ, xã H, thị xã K, nhóm của C1 gồm có C1, Nguyễn Quốc T7, Tiên Văn B, Lã Tuấn A1, Nguyễn Văn T8, Nguyễn Văn T9, Phạm Hữu D, Lê Minh T10, Nguyễn Huy H5, Vũ Đức Đại T1, Lưu Ngọc T2, Bùi Duy H6, sinh ngày 14/12/2006; trú tại: Thôn T, xã Q, thị xã K; nhóm của S gồm có S, Nguyễn Văn H7, Phạm Quốc Đ1, Nguyễn Ngọc N4, Nguyễn Trung V1, Nguyễn Văn N5, Đồng Quảng Q, Phùng H, Huỳnh Thanh S1, Nguyễn Tiên D1, Hoàng Văn H, Phạm

Minh T4, Trương Huy H4, Trần Xuân H10, Nguyễn Trung Đ, Nguyễn Quang H12, Thân Thế P2, Đặng Gia B1, Nguyễn Xuân P, Nguyễn Duy A5 đã điều khiển xe máy chở nhau cầm theo tuýp sắt, vỏ chai bằng thủy tinh, phóng lộn, đao, que dóc đuôi đánh nhau từ Km 8+300 đến Km 11+120. Quá trình hai nhóm đuổi đánh nhau, đối tượng (chưa xác định được là ai) đã ném vỏ chai bia bằng thủy tinh trúng vào đầu cháu Phạm Đức A6, sinh ngày 07/12/2021 (lúc đó cháu Đức A6 đang do chị Phạm Thị Phương A7, sinh năm 2001 bế ngồi sau xe máy do anh Phạm Văn P3, sinh năm 1998, trú tại: Thôn Đ, xã Q, thị xã K điều khiển theo hướng xã H đi Q) làm cháu Đức A6 bị tổn thương cơ thể là 20%.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật Hình sự bảo vệ; Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả nguy hiểm cho xã hội, nhưng vẫn thực hiện hành vi vi phạm, là có lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại Điều 318 của Bộ luật Hình sự, trong đó các bị cáo sử dụng các hung khí nguy hiểm để thực hiện hành vi gây rối, đã phạm tội theo điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo S1, H do có hành vi rủ rê bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội, nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng tại điểm d khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự. Như vậy, xác định bản án sơ thẩm kết án các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân, vị trí vai trò của từng bị cáo trong đồng phạm, tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt tù đối với các bị cáo, buộc các bị cáo chấp hành hình phạt ở cơ sở giam giữ là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Trọng S, T4, H4, T1, Huỳnh Thanh S1 không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của 3 bị cáo.

Bị cáo T2, H xuất trình tài liệu về tự nguyện bồi thường cho cháu Phạm Đức A6; bị cáo H xuất trình tài liệu về việc đã ủng hộ quỹ cứu trợ thiên tai; bị cáo Q xuất trình tài liệu chứng minh cụ nội là liệt sĩ và ông nội là thương binh; bị cáo T2, Q đều đã nộp án phí hình sự sơ thẩm. Đây được xác định là tình tiết giảm nhẹ mới, cần áp dụng thêm cho các bị cáo T2, H, Q1 theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặc dù có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng xét thấy mức hình phạt tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đã là phù hợp và vai trò của các bị cáo đều tham gia tương đối tích cực trong vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo.

[4]. Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận, các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, trừ bị cáo Hoàng Văn H được miễn vì thuộc hộ nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trọng S, Huỳnh Thanh S1, Phạm Minh T4, Vũ Đức Đại T1, Trương Huy H4, Lưu Ngọc T2, Đồng Quảng Q, Hoàng Văn H; giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 53/2024/HS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng S và Hoàng Văn H.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng S 02 (Hai) năm 01 (một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Ngọc T2 01 (một) năm 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Đồng Quảng Q 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Vũ Đức Đại T1 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh S1 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318, Điều 17, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trương Huy H4 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh T4 01 (một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án về tội Gây rối trật tự công cộng.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Trọng S, Huỳnh Thanh S1, Phạm Minh T4, Vũ Đức Đại T1, Trương Huy H4, Đồng Quảng Q, Lưu Ngọc T2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; Bị cáo Hoàng Văn H được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo Lưu Ngọc T2 đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm, theo biên lai thu ký hiệu BLTT/23 số 0001522 ngày 18/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Kinh Môn; bị cáo Đồng Quảng Q đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm, theo biên lai thu ký hiệu BLTT/23 số 0001524 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Kinh Môn.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- TAND Thị xã Kinh Môn;
- CQCSĐT, CQTHAHS, CQHSHNV Công an Thị xã Kinh Môn;
- VKSND Thị xã Kinh Môn.
- Chi cục THADS Thị xã Kinh Môn
- Các bị cáo;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Cường